TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 25/4/2023.
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Ngọc Nga.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị Khánh N, sinh năm 1967

Địa chỉ: B50A, tổ 29, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965; địa chỉ: số 14 đường Nguyễn Du, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ (văn bản ủy quyền ngày 14/02/2023).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà H, bà X có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Ngày 08/7/2022 bà Tống Thị Khánh N có cho bà Lê Thị Kim X vay số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn từ ngày 08/7/2022 đến ngày 08/8/2022, tiền lãi theo thỏa thuận 2%. Hai bên có ký giấy thỏa thuận mượn tiền. Hết thời hạn trên bà X không thanh toán cho bà N số tiền gốc và lãi nêu trên.

Theo đơn khởi kiện bà Tống Thị Khánh N yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Kim X thanh toán số tiền nợ gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận 2% tính từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022 là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng). Tổng cộng là 132.000.000đ (một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Ngày 24/3/2023 bà N thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà X thanh toán nợ gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), bà N không yêu cầu bà X số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền lãi nữa.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Kim X trình bày:*

Ngày 08/7/2022 bà có mượn của bà N số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, khi viết giấy thỏa thuận mượn tiền hai bên ghi số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn mượn từ ngày 08/7/2022 đến ngày 08/8/2022, tiền lãi theo thỏa thuận 2%.

Về chữ ký và ghi họ tên tại mục người mượn tiền trong giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 08/7/2022 mà nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ bà xác định là chữ ký và ghi họ tên của bà.

Mục đích bà mượn tiền của bà N sử dụng việc cá nhân của bà không liên quan gia đình, bà tự nguyện chịu trách nhiệm trả số tiền mượn trên. Chồng bà là ông Huỳnh Hữu Cảnh, sinh năm 1964; Địa chỉ nơi cư trú của ông Cảnh hiện này bà không biết (bà và ông Cảnh không còn sống chung và đã ly thân với nhau từ lâu).

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà thanh toán nợ gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) bà không đồng ý trả. Bà chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và quá trình thẩm tra tại phiên toà nhận thấy: Ngày 08/7/2022 bà X có ký giấy thỏa thuận mượn tiền bà N số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà X thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong giấy thỏa thuận mượn tiền là của bà. Về ý kiến bà X cho rằng số bà chỉ mượn 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) nhưng bà X không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của bà nên ý kiến của bà X là không có

căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Khánh N, buộc bà Lê Thị Kim X phải thanh toán cho bà Tống Thị Khánh N số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Về lãi suất bà N rút yêu cầu nên đình chỉ yêu cầu này.

+ Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí theo quy định.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn là bà Lê Thị Kim X cư trú tại: ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị Khánh N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền vay. Như vậy, xác định là tranh chấp dân sự và quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách đương sự:

Bà Tống Thị Khánh N là người khởi kiện, bà Lê Thị Kim X là người bị kiện nên xác định bà Tống Thị Khánh N là nguyên đơn, bà Lê Thị Kim X là bị đơn.

Đối với ông Nguyễn Huỳnh Quốc K là chồng của nguyên đơn, ông K xác nhận số tiền bà N cho bà X vay là tài sản riêng của bà N nên Tòa án không đưa ông K tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với ông Huỳnh Hữu C là chồng của bị đơn bà X, bà X và ông C không còn sống chung, đã ly thân với nhau từ lâu, ông C ở đâu bà X không biết. Mục đích bà X mượn tiền của bà N để sử dụng việc cá nhân của bà không liên quan gia đình, bà tự nguyện chịu trách nhiệm trả số tiền mượn trên. Do đó, Tòa án không đưa ông C tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn cung cấp, xác định: Ngày 08/7/2022 bà Tống Thị Khánh N và bà Lê Thị Kim X có ký *"Giấy thỏa thuận mượn tiền"*, nội dung trong giấy thỏa thuận mượn tiền thể hiện bà Lê Thị Kim X có mượn của bà Tống Thị Khánh N số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn mượn 01 tháng từ ngày 08/7/2022 đến ngày

08/8/2022, tiền lãi theo thỏa thuận 2%. Bà N và bà X đều thừa nhận chữ ký, chữ viết ghi họ tên trong giấy thỏa thỏa thuận mượn tiền này là của Bà N và bà X.

Nguyên đơn bà N trình bày sau khi hết thời hạn trả nợ, bà nhiều lần yêu cầu bà X trả số tiền nợ và lãi trên nhưng bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi nên bà khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền trên.

Bị đơn bà X trình bày ngày 08/7/2022 bà có mượn của bà N số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên, khi viết giấy thỏa thuận mượn tiền hai bên ghi số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Về ý kiến này của bà X quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, đối chất nhưng bà N cũng không chấp nhận lời khai này của bà X. Do đó, không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng mình lời khai của bà X là đúng sự thật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà X có vay tiền và còn nợ bà N số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc bà X phải trả cho bà N số tiền nợ gốc 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

Về lãi suất: Ngày 24/3/2023 đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu tiền lãi với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) nên được chấp nhận, Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà X phải chịu 120.000.000đ x 5% = 6.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 220; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Khánh N về "*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản" đối với bà Lê Thị Kim X.

Buộc bà Lê Thị Kim X phải trả cho bà Tống Thị Khánh N số tiền nợ gốc là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị Khánh N về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim X trả số tiền lãi 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim X phải nộp số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Tống Thị Khánh N số tiền tạm ứng án phí là 3.300.000đ (ba triệu, bà trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004832 ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại